

4. Động từ, động từ khuyết thiếu (should/shouldn't, must/mustn't, might)

Bài tập 1. Chọn “should” hoặc “shouldn't” để hoàn thành câu

Đáp án

1. should	2. shouldn't	3. should
4. shouldn't	5. shouldn't	6. should

Bài tập 2. Chọn “must” hoặc “mustn't” để điền vào chỗ trống

Đáp án

1. must	2. mustn't	3. must
4. mustn't	5. must	6. mustn't

Bài tập 3. Hoàn thành câu với “might” hoặc “might not” (diễn tả khả năng ở tương lai)

Đáp án

1. might	2. might not	3. might
4. might	5. might	6. might

Bài tập 4. Chọn động từ khuyết thiếu phù hợp (should, must, might) cho mỗi câu

Đáp án

1. must	2. should	3. might
4. must	5. should	6. might

Bài tập 5. Dùng “should/shouldn’t, must/mustn’t, might (hoặc might not)” để điền vào đoạn hội thoại

Đáp án

1. should	2. shouldn’t / mustn’t	3. might
4. mustn’t / shouldn’t	5. might	6. must / should

Bài tập 6. Điền động từ thường hoặc động từ khuyết thiếu vào chỗ trống

Đáp án

1. walk	2. mustn’t talk	3. might travel
4. should study	5. play	6. must finish

Bài tập 7. Nối các câu ở cột A với lời giải thích đúng ở cột B.

Đáp án

2 – a

3 – c

4 – d

5 – e

Bài tập 8. Đọc các câu sau và ghi True nếu đúng, False nếu sai. Nếu sai, hãy sửa lại.

Đáp án

1. False → must to → must

2. True

3. False → mights → might

4. True

5. True

Bài tập 9. Phân loại các câu dưới đây theo đúng chức năng của động từ khuyết thiếu.

Câu	Chức năng
1. You must wear your seatbelt.	Bắt buộc
2. You should try this dish.	Lời khuyên
3. She might go to the cinema this weekend.	Khả năng
4. We mustn't be late for class.	Cấm đoán

Đáp án

5. He shouldn't talk during the movie.

Lời khuyên (phủ định)